TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIM THÀNH** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/2024/QĐST-LĐ	*Kim Thành, ngày 25 tháng 10 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH, TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên họp: Bà Đỗ Thị Hạnh

Thư ký phiên họp: Ông Đinh Quốc Cường

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành tham gia phiên họp: Ông Vũ Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 25/10/2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 01/2024/TLST-LĐ ngày 09/10/2024 về việc "*Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu"* theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2024/QĐST - LĐ ngày 18/10/2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Chị Trần Thị H, sinh năm 1993; địa chỉ: Khu dân cư K, phường A, thị xã K, Hải Dương. Vắng mặt và có đơn xin vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bảo hiểm xã hội thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương

Địa chỉ: Số 79 đường Bạch Đằng, phường An Lưu, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Đỗ Thị T – Giám đốc

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Quang Á – Phó Giám đốc

+ Công ty TNHH N; trụ sở: Cụm C, phường L, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Diệu Thùy L - Chủ tịch Công ty.

Người được ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Vũ Thị Thanh P - TP HCNS.

+ Chị Trần Thị H1, sinh năm 1995; địa chỉ: Khu dân cư D, phường L, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

Đều vắng mặt và có đơn xin vắng mặt

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và trong quá trình tố tụng, người yêu cầu là chị Trần Thị H trình bày: Chị và chị Trần Thị H1, sinh năm 1995; địa chỉ cụ thể là: Khu dân cư D, phường L, thị xã K, tỉnh Hải Dương có quan hệ là chị em họ. Do khi đó chị đang nghỉ lao động ở nhà chăm sóc con nhỏ nên khi chị H1 đặt vấn đề mượn tên chị để ký hợp đồng lao động, chị có nhận thức hạn chế không lường

trước sự việc rắc rối về sau nên chị đã đồng ý cho chị H1 đứng tên chị để ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH N; địa chỉ: Lô C, cụm C, phường L, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Do thời gian đã lâu, chị lại không có hợp đồng lao động giữa hai bên nên chị không biết thời gian cụ thể chị H1 bắt đầu lao động tại Công ty TNHH N từ khi nào và đến ngày nào thì kết thúc. Theo đại diện Công ty trình bày chị H1 đứng tên chị ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH N từ ngày 18/7/2011 đến ngày 30/6/2014 thì kết thúc thì chị xác định thời gian như đại diện Công ty trình bày là đúng. Do hiện nay chị có vướng mắc về thời gian đóng bảo hiểm xã hội giữa chị và chị H1 nên chị làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa Công ty N và chị H1 (đứng tên chị) là vô hiệu. Chị xác định mục đích để cho chị H1 đứng tên chị ký hợp đồng lao động với Công ty chị không có mục đích trục lợi hay mục đích gì khác. Chị yêu cầu Tòa án xem xét điều chỉnh tên người đóng bảo hiểm và thời gian đóng bảo hiểm cho chị và chị H1. Chị xin vắng mặt tại phiên họp.

Công ty TNHH N1 do bà Vũ Thị Thanh P trình bày: Công ty có ký Hợp đồng lao động với chị Trần Thị H, sinh năm 1993; địa chỉ: Khu dân cư K, phường A, thị xã K, tỉnh Hải Dương từ ngày 18/7/2011 có thời hạn một năm đến hết ngày 18/7/2012. Sau đó, phía công ty tiếp tục ký kết Hợp đồng từ ngày 19/7/2012 có thời hạn hai năm đến hết ngày 19/7/2014 (Nếu Hợp đồng sự thay đổi về tiền lương, địa điểm sẽ có phụ lục kèm theo). Theo hợp đồng lao động mà Công ty TNHH N ký kết với chị Trần Thị H, công việc của chị H là làm may công nghiệp hàng may mặc. Công ty đóng lương cho chị H theo mức lương cơ bản mà Công ty và người lao động đã ký kết.

Đến ngày 30/6/2014 chị Trần Thị H chấm dứt Hợp đồng lao động với công ty chúng tôi vì lý do cá nhân. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, Công ty xác định phía Công ty ký kết hoàn toàn tự nguyện, trung thực, công ty không biết người trực tiếp ký kết Hợp đồng lao động không phải là chị Trần Thị H, sinh năm 1993; địa chỉ: Khu dân cư K, phường A, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Khi được Tòa án gửi Thông báo và Giấy triệu tập ra Tòa án để làm việc đối với yêu cầu của chị Trần Thị H về việc Tuyên bố Hợp đồng Lao động vô hiệu thì phía Công ty mới biết.

Tại thời điểm chấm dứt hợp đồng lao động với chị H, Công ty TNHH N đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán các chế độ cho chị H, không còn vướng mắc gì.

Nay, chị Trần Thị H yêu cầu tuyên bố Hợp đồng vô hiệu, Công ty Đ, đề nghị Tòa án tuyên bố Hợp đồng lao động giữa công ty TNHH N1 với chị Trần Thị H là vô hiệu. Công ty không có yêu cầu phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của chị H. Công ty xác định lý do dẫn đến Hợp đồng lao động giữa hai bên là vô hiệu là do: phía bên công ty khi ký kết Hợp đồng với người lao động không kiểm tra kỹ lý lịch, thông tin người lao động; phía chị Trần Thị H1 do không hiểu biết nên đã lấy

thông tin của người khác để ký kết và bản thân phía chị Trần Thị H đã đồng ý để chị H1 dùng tên tuổi của mình tham gia ký kết Hợp đồng với công ty là không đúng với pháp luật.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai đương sự và trong quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H1 trình bày: Chị và chị H có quan hệ là chị em họ. Chị có đứng tên Trần Thị H để ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH N1; địa chỉ: Lô C, cụm C, phường L, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Do thời gian đã lâu và chị không còn giữ tài liệu, giấy tờ gì nên chị không còn nhớ thời gian cụ thể. Theo đại diện Công ty trình bày chị đứng tên chị H ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH N từ ngày 18/7/2011 đến ngày 30/6/2014 thì kết thúc thì chị xác định lời trình bày của đại diện Công ty là đúng. Lý do chị đứng tên chị H để ký hợp đồng lao động với Công ty là do khi đó chị đang cần việc để làm mà chưa đến tuổi (mới 16 tuổi) trong khi chị H đang nghỉ lao động ở nhà chăm sóc con nhỏ nên chị đã đặt vấn đề mượn tên chị H để ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH N. Khi ký hợp đồng lao động chị có nhận thức hạn chế không lường trước được sự việc rắc rối về sau này. Nay chị không có yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Chị xin vắng mặt tại phiên họp.

Bảo hiểm xã hội thị xã K do ông Nguyễn Quang Á là người đại diện theo uỷ quyền trình bày: Bà Trần Thị H – sinh ngày 25/01/1993 nơi cư trú: Phường A, thị xã K, tỉnh Hải Dương, mã số bảo hiểm 3016546123. Theo dữ liệu trên phần mềm TST của B thể hiện quá trình tham gia BHXH của hồ sơ cá nhân mang tên Trần Thị H sinh ngày 25/01/1993 mã số BHXH 3016546123 như sau:

Từ tháng 01/2011 đến tháng 03/2013 tại Công ty cổ phần G, địa chỉ Xã H - K - Hải Dương;

Từ tháng 6/2013 đến tháng 6/2014 tại Công ty TNHH N , địa chỉ: thị trấn P, huyện K, tỉnh Hải Dương (giai đoạn này do BHXH tỉnh H trực tiếp tính thu);

Từ tháng 6/2014 đến tháng 08/2014 tại Công ty cổ phần G, địa chỉ: Phường H, thị xã K;

Từ tháng 9/2014 đến tháng 10/2016 tại Công ty TNHH V, địa chỉ: Phường H, thị xã K (Công ty TNHH V được đổi tên từ Công ty cổ phần G);

Từ tháng 08/2017 đến tháng 08/2018 tại Công ty TNHH V, địa chỉ: Phường H, thị xã K;

Từ tháng 12/2018 đến tháng 10/2024 tại Công ty TNHH M, địa chỉ: Cụm C, Phường L, Thị xã K, Tỉnh Hải Dương.

Theo dữ liệu trên thì bà H tham gia Bảo Hiểm xã hội có thời gian trùng 1 tháng (tháng 06/2014) tại 2 công ty là Công ty TNHH N và Công ty cổ phần G1 (nay là Công ty V), đồng thời bà H cũng có đơn trình bày với cơ quan BHXH về việc cho mượn hồ sơ để đi làm tại Công ty TNHH N.

Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 49 Luật lao động đây là trường hợp,

hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ. Để đảm bảo quyền lợi cho người tham gia BHXH, BHXH đề nghị Toà án nhân dân huyện Kim Thành giải quyết theo nội dung công văn số 1767/LĐTBXH-BHXH ngày 31/5/2022 của Bộ L1 về việc người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động. Vì đặc thù công việc bận nên ông đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt ông tại phiên họp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc lao động: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký tại phiên họp đã tuân theo đúng các quy định của chương XXIII Bộ luật tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 68, 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về phần nội dung:

Căn cứ vào các Điều 122, 127, 132 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 117, 122, 127 Bộ luật dân sự năm 2015

Căn cứ Điều 29 Bộ luật lao động năm 1994 sửa đổi bổ sung năm 2002, 2006, Điều 52 Bộ luật lao động năm 2012; các Điều 15, Điều 50, Điều 51 Bộ luật lao động năm 2019;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 33, điểm d khoản 2 Điều 35, khoản 2 Điều 39, Điều 149, Điều 367, Điều 371, Điều 372 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị H.

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa người lao động tên Trần Thị H và Công ty TNHH N1 trong thời gian từ ngày 18/7/2011 đến ngày 30/6/2014 là vô hiệu.

Chị H và chị H1 có quyền liên hệ với cơ quan bảo hiểm có thẩm quyền để điều chỉnh về BHXH cho phù hợp với kết quả giải quyết vụ án, cụ thể: Điều chỉnh họ tên, ngày, tháng, năm sinh, thời gian và số tiền đóng bảo hiểm xã hội trong thời gian chị Trần Thị H1 lao động tại Công ty TNHH N1 từ tháng 6/2013 đến tháng 6/2014 theo số sổ BHXH 3016546123 mang tên chị Trần Thị H sang cho chị Trần Thị H1 theo số sổ BHXH 3014005890.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Kim Thành nhận định:

[1] Về tố tụng: Người yêu cầu đề nghị Toà án tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu quy định tại khoản 1 Điều 33 Bộ luật tố tụng dân sự. Công ty TNHH N1 và người lao động bà Trần Thị H (do bà H1 mượn hồ sơ) có xác nhận quan hệ lao động. Thời điểm ký kết hợp đồng lao động công ty có trụ sở tại KCN P, thị trấn P,

huyện K, tỉnh Hải Dương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Kim Thành theo quy định tại điểm v khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên họp vắng mặt người yêu cầu, những người có quyền lợi liên quan nhưng đều đã có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Do vậy Toà án vẫn tiến hành phiên họp vắng mặt những người trên.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn thấy rằng:

[2.1] Chị Trần Thị H1, sinh năm 1995; địa chỉ cụ thể là: Khu dân cư D, phường L, thị xã K, tỉnh Hải Dương có mượn chứng minh nhân dân của chị Trần Thị H và chị H1 đứng tên chị H ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH N1; địa chỉ: KCN P, thị trấn P, huyện K, tỉnh Hải Dương (nay chuyển trụ sở về địa chỉ: Lô C, cụm C, phường L, thị xã K, tỉnh Hải Dương). Theo cung cấp của Công ty TNHH N thì Công ty và chị H ký hợp đồng với nhau 02 lần: Lần 1 vào ngày D từ ngày 18/7/2011 có thời hạn một năm đến hết ngày 18/7/2012. Sau đó, phía công ty tiếp tục ký kết Hợp đồng từ ngày 19/7/2012 có thời hạn hai năm đến hết ngày 19/7/2014. Tuy nhiên đến ngày 30/6/2014 thì hai bên chấm dứt hợp đồng lao động. Việc bà H1 mượn hồ sơ tên bà H để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH N1 là giả mạo khi giao kết hợp đồng nên đề nghị của bà H về việc đề nghị Toà án tuyên bố hợp đồng lao động đã giữa Công ty TNHH N1 và bà Trần Thị H (do bà H1 mượn) là vô hiệu là phù hợp pháp luật.

[2.2] Chị Trần Thị H cho chị Trần Thị H1 mượn Chứng minh nhân dân số 142641875 mang tên Trần Thị H để xác lập hợp đồng lao động từ ngày 19/7/2011 đến ngày 30/6/2014 và tham gia đóng bảo hiểm xã hội từ ngày 01/6/2013 đến ngày 30/6/2014 tại Công ty TNHH N1 theo sổ BHXH số 3016546123 (Chị H1 khi đó 16 tuổi, chưa đủ tuổi lao động và không có người đại diện). Chị H cũng lao động và tham gia đóng BHXH theo sổ 3016546123 từ tháng 6/2014 tại Công ty G (Sau này là Công ty V1); Do vậy Toà án xác định chị Trần Thị H có chứng minh thư nhân dân số 142641875 có duy nhất 01 sổ bảo hiểm xã hội số 3016546123 do bà H nộp trong quá trình lao động tại Công ty cổ phần G là phù hợp. Do vậy yêu cầu của bà H đề nghị tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu là có căn cứ cần được chấp nhận.

[2.3] Việc chị Trần Thị H1 mượn hồ sơ tên chị Trần Thị H để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH N1 là không trung thực khi giao kết hợp đồng, tuy nhiên việc không trung thực khi giao kết hợp đồng của chị H1 là do thiếu hiểu biết pháp luật. Tại thời điểm giao kết hợp đồng thì pháp luật áp dụng là Bộ luật lao động năm 1994 được sửa đổi, bổ sung năm 2002 và 2006 không quy định trường hợp hợp đồng vô hiệu. Trên thực tế chị H1 thực sự có đi làm, có hưởng lương và tham gia BHXH, BHYT, BHTN đã được thụ hưởng các chế độ BHXH, BHYT như chi trả chế độ ốm đau, khám, chữa bệnh, chưa hưởng BHTN, BHXH một lần, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo quy định. Ngoài những thông tin về cá nhân của người lao động ghi trong hợp đồng lao động thì các thông tin còn lại đều phù

hợp với quy định của pháp luật và được các bên giao kết hợp đồng (người lao động và người sử dụng lao động) thực hiện đầy đủ. Tuy nhiên các đương sự không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu nên không đặt ra giải quyết.

[3] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Chị Trần Thị H là người yêu cầu nên phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 122, 127, 132 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 117, 122, 127 Bộ luật dân sự năm 2015

Căn cứ Điều 29 Bộ luật lao động năm 1994 sửa đổi bổ sung năm 2002, 2006, Điều 52 Bộ luật lao động năm 2012; các Điều 15, Điều 50, Điều 51 Bộ luật lao động năm 2019;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 33, điểm d khoản 2 Điều 35, khoản 2 Điều 39, Điều 149, Điều 367, Điều 371, Điều 372 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị H.

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa người lao động tên Trần Thị H và Công ty TNHH N1 trong thời gian từ ngày 18/7/2011 đến ngày 30/6/2014 là vô hiệu.

Chị H và chị H1 có quyền liên hệ với cơ quan bảo hiểm có thẩm quyền để điều chỉnh về BHXH cho phù hợp với kết quả giải quyết vụ án, cụ thể: Điều chỉnh họ tên, năm sinh, thời gian và số tiền đóng bảo hiểm xã hội trong thời gian chị Trần Thị H1 lao động tại Công ty TNHH N1 từ tháng 6/2013 đến tháng 6/2014 theo sổ sổ BHXH 3016546123 mang tên chị Trần Thị H sang cho chị Trần Thị H1 theo sổ sổ BHXH 3014005890.

Về lệ phí: Chị Trần Thị H phải nộp 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự. Đối trừ với số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm chị H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/23 số: 0002378 ngày 17/4/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn. Chị H đã thực hiện xong nghĩa vụ về nộp lệ phí.

Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự vắng mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc ngày quyết định được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Toà án ra quyết định. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Toà án ra quyết định.

Nơi nhận: **THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN HỌP**

- VKSND huyện Kim Thành;

- VKSND tỉnh Hải Dương;

- Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn;

- Người yêu cầu;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ;

- Lưu hồ sơ.

Đỗ Thị Hạnh